

ĐỀ THI THỬ LẦN II

(Đề gồm 5 trang)

Mã đề : Gốc

Họ và tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

0001: Lượng mưa trung bình năm ở nước ta đạt khoảng (mm)

- A. 1500 - 2000. B. 3500-4000. C. 1500 - 1800. D. 1800 - 2000.

0002: Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế của nước ta có sự chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỷ trọng lao động ở khu vực nông- lâm- ngư nghiệp.
B. giảm tỷ trọng lao động ở khu vực dịch vụ.
C. tăng tỷ trọng lao động khu có vốn đầu tư nước ngoài.
D. tăng tỷ trọng lao động khu vực ngoài Nhà nước.

0003: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết thành phố nào sau đây không trực thuộc Trung ương?

- A. Biên Hòa. B. Hà Nội. C. Đà Nẵng. D. Cần Thơ.

0004: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tần suất bão lớn nhất là tháng nào?

- A. Tháng 9. B. Tháng 10. C. Tháng 8. D. Tháng 11.

0005: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết đất mặn tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng Sông Cửu Long. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng Bằng Sông Hồng.

0006: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết vùng Đông Nam Bộ có bao nhiêu khu kinh tế cửa khẩu?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

0007: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết nước ta có bao nhiêu di sản thiên nhiên thế giới?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

0008: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp từ 9 đến 40 nghìn tỷ đồng năm 2007?

- A. Cần Thơ B. Rạch Giá. C. Long Xuyên. D. Sóc Trăng.

0009: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cây bông được trồng ở tỉnh nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Thuận. B. Gia Lai. C. Lâm Đồng. D. Đắk Lắk.

0010: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc Trung ương)?

- A. 8. B. 6. C. 7. D. 9.

0011: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ có đặc trưng là

- A. xuất hiện và phát triển nhanh chóng công nghệ cao.
B. công nghệ dựa vào thành tựu khoa học mới nhất.
C. chỉ tác động đến lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.
D. công nghệ có hàm lượng tri thức cao..

0012: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á?

- A. Nghèo khoáng sản. B. Khí hậu nóng ẩm.
C. Đất trồng phong phú. D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

0013: Biện pháp nào sau đây **không** liên quan trực tiếp về quy định khai thác để đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước?

- A. Cấm gây ô nhiễm không khí.
- B. Cấm khai thác gỗ quý.
- C. Cấm săn bắt động vật trái phép.
- D. Cấm gây độc hại cho môi trường nước.

0014: Phải áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng là do sự phân hóa của các điều kiện

- A. địa hình, đất trồng.
- B. địa hình, khí hậu.
- C. khí hậu, đất trồng.
- D. đất trồng, nguồn nước.

0015: Hạn chế chính về xuất khẩu của nước ta là

- A. tỷ lệ hàng gia công còn lớn.
- B. chủ yếu là các mặt đã qua chế biến.
- C. tỷ lệ hàng máy móc, thiết bị lớn.
- D. chủ yếu là nguyên liệu, tư liệu sản xuất.

0016: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2015

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2010	2012	2015
Cây hàng năm	861,5	797,6	729,9	676,8
Cây lâu năm	1633,6	2010,5	2222,8	2150,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

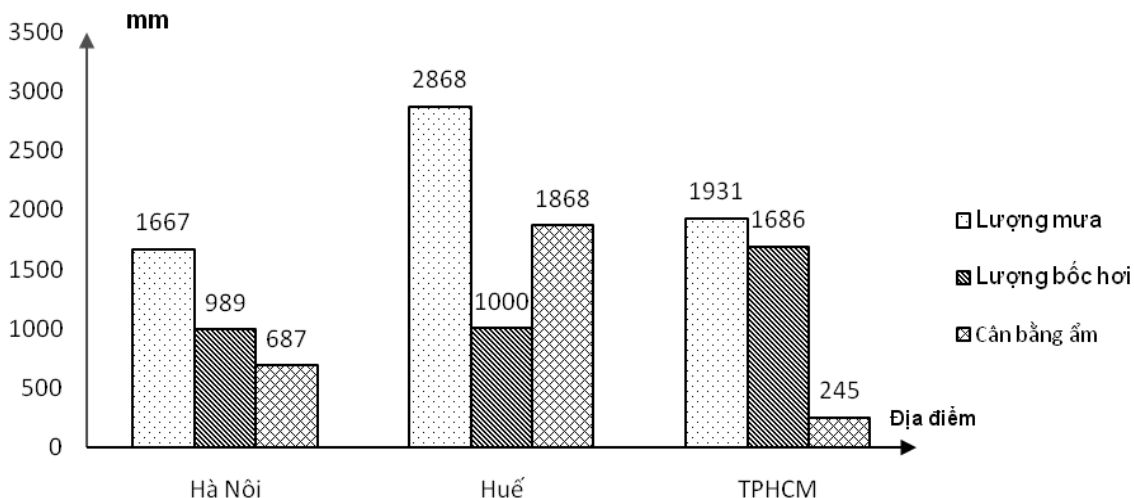
Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về diện tích cây công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2005 - 2015?

- A. Diện tích cây lâu năm tăng 1,8 lần.
- B. Diện tích cây hàng năm giảm liên tục.
- C. Diện tích cây lâu năm không ổn định.
- D. Diện tích cây lâu năm lớn hơn cây hàng năm.

0017: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với ngành thủy sản nước ta?

- A. Sản lượng thủy sản khai thác giảm nhẹ.
- B. Bà Rịa – Vũng Tàu là tỉnh có sản lượng khai thác lớn thứ 2 cả nước năm 2007.
- C. Hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh ở Đồng bằng Sông Cửu Long.
- D. An Giang là tỉnh có sản lượng nuôi trồng lớn nhất cả nước năm 2007.

0018: Cho biểu đồ: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của 3 địa điểm.



Căn cứ vào biểu đồ trên, cho biết nhận xét nào sau **không** đúng về lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế và TP Hồ Chí Minh?

- A. Lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam.
- B. Lượng bốc hơi tăng dần từ Bắc vào Nam.
- C. TP Hồ Chí Minh có lượng cân bằng ẩm thấp nhất.
- D. Cân bằng ẩm của Huế cao hơn Hà Nội.

0019: Việt Nam gia nhập ASEAN năm nào ?

- A. 1995.
- B. 1997.
- C. 1967.
- D. 1999.

0020: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NHẬT BẢN, GIAI ĐOẠN 1990-2010.

Năm	1990	2000	2005	2010
Dân số (triệu người)	123,5	126,9	127,8	127,5
Sản lượng lúa (nghìn tấn)	13124	11863	11342	8483

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng ?

- A. Dân số Nhật Bản tăng liên tục qua các năm.
- B. Sản lượng lúa bình quân đầu người năm 2010 đạt 66,5 kg/người.
- C. Sản lượng lúa liên tục giảm.
- D. Dân số tăng chậm.

0021: Vấn đề được đặt ra hiện nay đối với Đông Nam Bộ trong việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo chiều sâu là

- A. bảo vệ môi trường.
- B. thiếu nguyên liệu.
- C. thiếu lao động chuyên môn cao.
- D. quy hoạch không gian lãnh thổ.

0022: Các huyện đảo nào sau đây thuộc tỉnh Kiên Giang?

- A. Kiên Hải, Phú Quốc
- B. Phú Quốc, Phú Quý.
- C. Kiên Hải, Côn Đảo.
- D. Côn Đảo, Phú Quốc.

0023: Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

- A. Trong cơ cấu kinh tế theo ngành, dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất(năm 2007).
- B. Đóng góp tỷ trọng GDP cao nhất cả nước.
- C. Đứng đầu 3 vùng về tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- D. Chiếm tỷ trọng cao nhất về giá trị xuất khẩu của cả nước.

0024: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

- A. Tỷ trọng tăng liên tục trong giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.
- B. Nha Trang là trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có quy mô lớn.
- C. Giá trị sản xuất tăng nhanh.
- D. Hà Nội có 6 ngành chế biến chính.

0025: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân cư Nhật Bản hiện nay?

- A. Dân số tăng nhanh.
- B. Kết cấu dân số già.
- C. Là nước đông dân.
- D. Tập trung chủ yếu các thành phố ven biển.

0026: Nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất cân bằng giới tính ở Trung Quốc hiện nay là do

- A. chính sách dân số rất triệt để.
- B. sự tiến bộ của y học.
- C. sự sàng lọc giới tính.
- D. nhu cầu của nguồn lao động.

0027: Ý nào sau đây **không** phải là những thách thức đối với ASEAN?

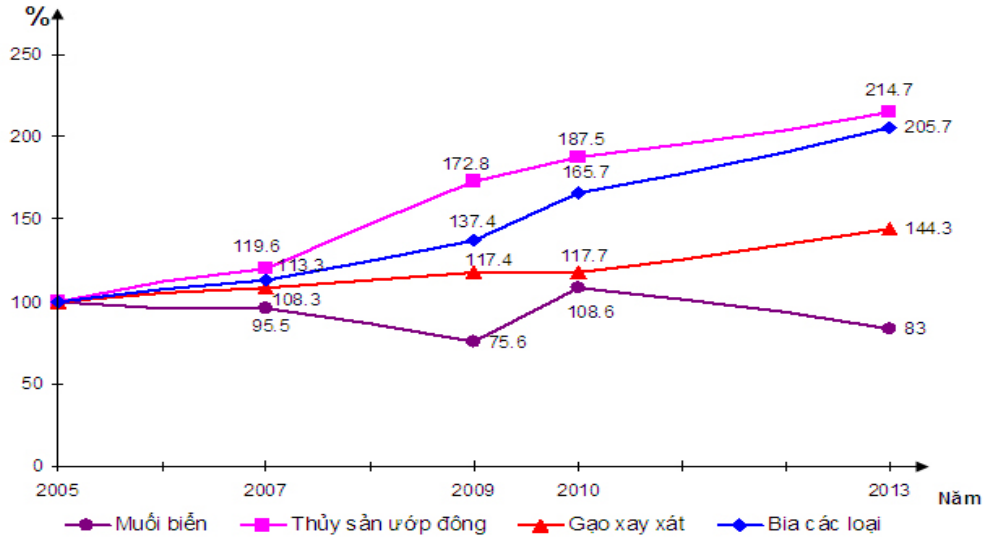
- A. phụ thuộc nhiều vào nước ngoài.

B. Trình độ phát triển còn chênh lệch.

C. Vẫn còn tình trạng đói nghèo.

D. Tốc độ đô thị hóa nhanh nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp.

0028: Cho biểu đồ về một số sản phẩm công nghiệp chế biến của nước ta:



Nhận xét nào sau đây **không** đúng với tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp chế biến của nước ta giai đoạn 2005-2013?

A. Gạo xay xát tăng không ổn định.

B. Thủy sản ướp đông tăng nhanh nhất.

C. Muối biển có xu hướng giảm.

D. Bia các loại tăng 105,7% từ năm 2005 đến năm 2013.

0029: Nơi nào sau đây phát triển mạnh chăn nuôi gà công nghiệp?

A. Các tỉnh giáp các thành phố lớn và ở các địa phương có cơ sở công nghiệp chế biến thịt.

B. Các tỉnh giáp các thành phố lớn và vùng trồng cây lương thực.

C. Địa phương có cơ sở công nghiệp chế biến thịt và vùng trồng cây hoa màu.

D. Vùng trồng cây lương thực có quy mô lớn.

0030: Thuận lợi chủ yếu cho khai thác thủy sản ở nước ta là có

A. có 4 ngư trường trọng điểm.

B. nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.

C. nhiều đầm phá và các cửa sông rộng lớn.

D. nhiều bãi triều, ô trũng ngập nước.

0031: Thế mạnh nào sau đây **không** phải của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

A. Trồng cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới.

B. Phát triển chăn nuôi gia súc lớn.

C. Phát triển kinh tế biển và du lịch.

D. Khai thác chế biến khoáng sản và thủy điện.

0032: Ngành công nghiệp nào sau đây không phải là ngành công nghiệp trọng điểm ?

A. Luyện kim.

B. Năng lượng.

C. Chế biến lương thực, thực phẩm

D. Dệt – may.

0033: Nguyên nhân nào sau đây được xem là chủ yếu nhất làm kim ngạch xuất khẩu nước ta liên tục tăng lên?

A. mở rộng và đa dạng hóa thị trường.

B. nâng cao năng suất lao động.

C. tăng cường sản xuất hàng hóa.

D. thành viên của ASEAN.

0034: Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với khu vực I của Đồng bằng sông Hồng là

A. giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.

B. tăng tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi.

C. giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, giảm tỷ trọng ngành chăn nuôi.

D. tăng tỷ trọng cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả.

0035: Sự hình thành cấu nông – lâm – ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là tạo thế liên hoàn phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian vì

- A. tất cả các tỉnh đều tiếp giáp biển, có đồng bằng ven biển, vùng đồi núi.
- B. có thế mạnh phát triển ngư nghiệp.
- C. là vùng giàu tài nguyên rừng.
- D. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

0036: Ý nghĩa các tuyến đường ngang (19, 26...) nối Tây Nguyên với các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ không phải là

- A. đẩy mạnh giao lưu kinh tế với TP. Hồ Chí Minh.
- B. giúp mở rộng các vùng hậu phương của các cảng này.
- C. nâng cao vai trò quan trọng giao lưu với Tây Nguyên.
- D. giúp mở cửa giao lưu trao đổi hàng hóa.

0037: Khó khăn chủ yếu về mặt cơ sở vật chất kỹ thuật đối với phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây nguyên là:

- A. công nghiệp chế biến còn hạn chế.
- B. mùa khô kéo dài.
- C. thiếu lao động có chuyên môn.
- D. cơ sở hạ tầng còn yếu.

0038: Mục đích khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là:

- A. nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ.
- B. đẩy mạnh đầu tư vốn.
- C. đẩy mạnh đầu tư khoa học – công nghệ.
- D. tăng cường đầu tư lao động.

0039: Biểu hiện nào sau đây đúng với ảnh hưởng rất lớn của mùa khô kéo dài ở Đồng bằng sông Cửu Long đến tự nhiên?

- A. Làm cho đất nhiễm phèn, nhiễm mặn trên diện rộng .
- B. Làm cho cải tạo và sử dụng đất gặp nhiều khó khăn.
- C. Gây thiếu nước ngọt phục vụ cho canh tác.
- D. Gây thiếu nước ngọt phục vụ sinh hoạt.

0040: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2015

(đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2010	2012	2015
Tổng diện tích	2495,1	2808,1	2952,7	2827,3
Cây hàng năm	861,5	797,6	729,9	676,8
Cây lâu năm	1633,6	2010,5	2222,8	2150,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện diện tích cây công nghiệp của nước của nước ta, giai đoạn 2005 - 2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột chồng.
- B. Miền.
- C. Kết hợp.
- D. Đường.

.....HẾT.....

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam xuất bản 2009 đến 2018 để làm bài